

club (n)

/klʌb/

câu lạc bộ



colour (n)

/'kʌlə(r)/

màu sắc



comedy (n)

/'kɒmədi/

hài kịch, phim hài



computer (n)

/kəm'pju:tə(r)/

máy tính



contest (n)

/'kɒntest/

cuộc thi



control (n)

/kən'trəʊl/

sự kiểm soát, điều khiển

LIVEWORKSHEETS